

UBND XÃ QUẢNG NINH
BAN QLDA ĐTXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **07** /TB-BQLDA

Quảng Ninh, ngày **09** tháng **9** năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do GPMB thực hiện công trình Đường du lịch Dinh Mươi huyện Quảng Ninh (đợt bổ sung 04 hộ gia đình)

Thực hiện Thông báo số 188/TB-UBND ngày 16/7/2026 của UBND huyện Quảng Ninh thông báo thu hồi đất để GPMB thực hiện công trình: Đường du lịch Dinh Mươi (đợt bổ sung 04 hộ gia đình). Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng xã Quảng Ninh phối hợp với UBND xã Quảng Ninh đã tiến hành kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện công trình: Đường du lịch Dinh Mươi (đợt bổ sung 04 hộ gia đình).

Căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai 2024. Ban QLDA ĐTXD xã Quảng Ninh phối hợp với UBND xã Quảng Ninh tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện công trình: Đường du lịch Dinh Mươi huyện Quảng Ninh (đợt bổ sung 04 hộ gia đình).

Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Quảng Ninh và Nhà văn hoá thôn Võ Ninh.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 09/9/2026 đến hết ngày 19/9/2026.

(có phụ lục phương án chi tiết kèm theo).

Trong thời gian niêm yết công khai, các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có liên quan kiểm tra, rà soát nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và có ý kiến, đề xuất, góp ý gửi về Ban QLDA ĐTXD xã Quảng Ninh (nếu có). Ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ban QLDA ĐTXD xã Quảng Ninh sẽ phối hợp với UBND xã Quảng Ninh tổ chức họp trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng để lấy phiếu ý kiến và tiếp thu giải trình những ý kiến, đề xuất, góp ý của người dân. Nội dung phương án công khai có thể điều chỉnh, bổ sung trong quá trình rà soát đối tượng, chế độ chính sách, nội dung thay đổi sẽ được giải thích rõ tại hội nghị lấy ý kiến trực tiếp.

Kính đề nghị UBND xã Quảng Ninh chỉ đạo Văn phòng HĐND-UBND xã Quảng Ninh đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã để các hộ gia đình, cá nhân được biết và đến các địa điểm niêm yết trên để xem phương án và góp ý kiến./.

Nơi nhận:

- UBND xã Quảng Ninh;
- Trưởng thôn Võ Ninh;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Phùng Trung Kiên

PHỤ LỤC

Chi tiết Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Đường du lịch Dinh Mười, huyện Quảng Ninh (đợt bổ sung 4 hộ)

(Kèm theo Thông báo số 07/TB-BQLDA ngày 09/9/2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng xã Quảng Ninh)

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/ĐVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
1	Hộ ông: Nguyễn Lương Táo (đã chết); Đại diện hộ gia đình bao gồm: 1. Ông: Nguyễn Lương Tài. CCCD: 044077005965. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Võ Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị; 2. Ông: Nguyễn Lương Tâm. CCCD: 044073008724. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 99/12, Tổ 12, đường An Nhơn, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh. 3. Bà: Nguyễn Thị Tuyết. CCCD: 044175011463. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Võ Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị							570.000	95.000	8.246.000	8.911.000	
a)	Bồi thường về đất:							570.000				
*	Thửa đất số 171-1, TĐĐ 139, đất NTS, VT1 (Đất nuôi trồng thủy sản) thuộc Giấy CNQSD đất số hiệu AE 270819, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 22/6/2006 - Thửa đất số 171, TĐĐ 15, Đất nuôi trồng thủy sản. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	m ²	12,40									
-	Bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (NTS), vị trí 1, xã Quảng Ninh tại thửa đất số 171-1, TĐĐ 139	m ²	12,40	46.000			100%	570.000				Biên bản thẩm định giá đất cụ thể ngày 20/8/2026
b)	Bồi thường và hỗ trợ về tài sản trên đất:								95.000			
*	Tài sản tại thửa 171-1, TĐĐ 139, Đất NTS											
-	Cò chăn nuôi + Diện tích thu hồi: 12,4m ² ; + Năng suất thu là 76,60 tạ/ha tương đương 0,7660kg/m ² + Đơn giá: 10.000 đồng/kg.	kg	9,50		10.000		100%		95.000			Mục 32, PLI Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
c)	Các khoản hỗ trợ:									8.246.000		

TT	Họ và tên		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/ĐVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống do thu hồi 0,85% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo/tháng*3 tháng*3 khâu*đơn giá gạo.		kg	270,00			18.500	100%			4.995.000		Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 1, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại tại thửa đất số 171-1, TBĐ 139, đất NTS, VT1		m ²	12,40			230.000	100%			2.852.000		Khoản 1, Điều 13 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất tính theo diện tích thực tế bị thu hồi tại thửa đất số 171-1, TBĐ 139, đất NTS, VT1		m ²	12,40			46.000	10%			57.000		Điểm a, Khoản 4, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ chính lý Giấy chứng nhận QSD đất. (Kinh phí thực hiện theo đơn giá dịch vụ công quy định tại thời điểm phê duyệt phương án BTHT, trong đó: + Phí cấp Giấy CNQSD đất 150.000 đồng. + Lệ phí chứng nhận biến động vào Giấy CN đã cấp 30.000 đồng. + Đăng ký biến động quyền SD đất do thu hồi Giấy CNQSD đất 162.000 đồng.		giấy	1,00			342.000	100%			342.000		Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; Công văn số 1731/VPĐKKĐĐ-KHTC ngày 30/6/2026.
2	Hộ ông: Trương Hữu Ái CCCD: 044062000177 Bà: Phan Thị Lương (vợ) CCCD: 044171005912 Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Vố Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị								3.529.000	1.436.000	26.666.000	31.631.000	
a)	Bồi thường về đất:								3.529.000				
*	Thửa đất số 184-1, TBĐ 139, đất HNK, VT1 (Đất trồng cây hàng năm khác) thuộc Giấy CNQSD đất số hiệu AE 270605, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 22/6/2006 - Thửa đất số 184, TBĐ 15, Đất trồng cây hàng năm khác. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.		m ²	69,20									
-	Bồi thường Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), vị trí 1, xã Quảng Ninh tại thửa đất số 184-1, TBĐ 139		m ²	69,20	51.000			100%	3.529.000				Biên bản thẩm định giá đất cụ thể ngày 20/8/2026

TT	Họ và tên		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/ĐVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
b)	Bồi thường và hỗ trợ về tài sản trên đất:												
*	Tài sản tại thửa 184-1, TĐĐ 139, đất HNK										1.436.000		
-	Rau muống nước + Diện tích thu hồi: 69,2m²; + Năng suất thu là 95,65tạ/ha tương đương 0,9565kg/m² + Đơn giá: 21.700 đồng/kg.		kg	66,19		21.700		100%			1.436.000		Mục 32, PLI Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
c)	Các khoản hỗ trợ:										26.666.000		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống do thu hồi 2,79% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo/tháng*3 tháng*5 khẩu* đơn giá gạo.		kg	450,00			18.500	100%			8.325.000		Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 1, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại tại thửa đất số 184-1, TĐĐ 139, đất HNK, VT1		m²	69,20			255.000	100%			17.646.000		Khoản 1, Điều 13 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất tính theo diện tích thực tế bị thu hồi tại thửa đất số 184-1, TĐĐ 139, đất HNK, VT1		m²	69,20			51.000	10%			353.000		Điểm a, Khoản 4, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ chỉnh lý Giấy chứng nhận QSD đất. (Kính phí thực hiện theo đơn giá dịch vụ công quy định tại thời điểm phê duyệt phương án BTHT, trong đó: + Phí cấp Giấy CNQSD đất 150.000 đồng. + Lệ phí chứng nhận biến động vào Giấy CN đã cấp 30.000 đồng. + Đăng ký biến động quyền SD đất do thu hồi Giấy CNQSD đất 162.000 đồng.		giấy	1,00			342.000	100%			342.000		Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; Công văn số 1731/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 30/6/2026.
3	Hộ ông: Nguyễn Thủ (đã chết) Bà: Lê Thị Ty (vợ) CCCD: 044153004229 Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Võ Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị										3.170.000	38.973.000	47.691.000
a)	Bồi thường về đất:										5.548.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/ĐVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
*	Thửa đất số 195-1, TĐĐ 139, đất HNK, VT1 (Đất trồng cây hằng năm khác) thuộc Giấy CNQSD đất số hiệu BV 940484, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 31/12/2014 - Thửa đất số 195, TĐĐ 15, Đất trồng cây hằng năm khác. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	m ²	30,40									
-	Bồi thường Đất trồng cây hằng năm khác (HNK), vị trí 1, xã Quảng Ninh tại thửa đất số 195-1, TĐĐ 139	m ²	30,40	51.000			100%	1.550.000				Biên bản thẩm định giá đất cụ thể ngày 20/8/2026
*	Thửa đất số 235-1, TĐĐ 139, đất HNK, VT1 (Đất trồng cây hằng năm khác) thuộc Giấy CNQSD đất số hiệu AE 270874, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 22/6/2006 - Thửa đất số 235, TĐĐ 15, Đất trồng cây hằng năm khác. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	m ²	78,40									
-	Bồi thường HNK (Đất trồng cây hằng năm khác), vị trí 1, xã Quảng Ninh tại thửa đất số 235-1, TĐĐ 139	m ²	78,40	51.000			100%	3.998.000				Biên bản thẩm định giá đất cụ thể ngày/2026
b)	Bồi thường và hỗ trợ về tài sản trên đất:											
*	Tài sản tại thửa 235-1, TĐĐ 139, Đất HNK								3.170.000			
-	Đào đất đắp đê đất cấp I, II (Đào đất đắp đê tại chỗ) Đê chắn nuôi lươn, Mặt trên đê 1,5m; Mặt chân đê 2,0m; cao 0,6m; dài 23,0m; KT: ((1,5+2)*0,6)/2*23,0m	m ³	24,15		95.000		100%		2.294.000			Mục 29, PLI Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026
-	Cò chẵn nuôi + Diện tích thu hồi: 32,0m ² ; + Năng suất thu là 76,60tạ/ha tương đương 0,7660kg/m ² + Đơn giá: 10.000 đồng/kg.	kg	24,51		10.000		100%		245.000			Mục 32, PLI Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
*	Tài sản tại thửa 195-1, TĐĐ 139, đất HNK											
-	Rau muống nước + Diện tích thu hồi: 30,4m ² ; + Năng suất thu là 95,65tạ/ha tương đương 0,9565kg/m ² + Đơn giá: 21.700 đồng/kg.	kg	29,08		21.700		100%		631.000			

TT	Họ và tên		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/ĐVVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
c)	Các khoản hỗ trợ:										38.973.000		Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 1, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ ổn định đời sống do thu hồi 4,1% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo/tháng*3 tháng*6 khẩu*đơn giá gạo.		kg	540,00			18.500	100%			9.990.000		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại tại thửa đất số 195-1, TBĐ 139, đất HNK và thửa đất số 235-1, TBĐ 139, Đất HNK, VT1		m ²	108,80			255.000	100%			27.744.000		Khoản 1, Điều 13 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất tính theo diện tích thực tế bị thu hồi tại thửa đất số 195-1, TBĐ 139, đất HNK và thửa đất số 235-1, TBĐ 139, Đất HNK, VT1		m ²	108,80			51.000	10%			555.000		Điểm a, Khoản 4, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ chỉnh lý Giấy chứng nhận QSD đất. (Kinh phí thực hiện theo đơn giá dịch vụ công quy định tại thời điểm phê duyệt phương án BTHT, trong đó: + Phí cấp Giấy CNQSD đất 150.000 đồng. + Lệ phí chứng nhận biến động vào Giấy CN đã cấp 30.000 đồng. + Đăng ký biến động quyền SD đất do thu hồi Giấy CNQSD đất 162.000 đồng).		giấy	2,00			342.000	100%			684.000		Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; Công văn số 1731/NPĐKĐĐ-KHTC ngày 30/6/2026.
4	Hộ ông: Nguyễn Văn Cầm CCCD: 044066012230 Bà: Trần Thị Thu (vợ) CCCD: 044163007988 Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Võ Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị								4.802.000	46.955.000	29.829.000	81.586.000	
a)	Bồi thường về đất:								4.802.000				
*	Thửa đất số 209-1, TBĐ 139, đất NTS, VT1 (Đất nuôi trồng thủy sản) thuộc Giấy CNQSD đất số hiệu BV 940485, được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 31/12/2014 - Thửa đất số 209, TBĐ 15, Đất nuôi trồng thủy sản. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.		m ²	104,40									

11 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000

TT	Họ và tên Danhs mvc bphi thuong, hoi tro	Don vi tinh	Khoi luong	Don gia (Donq/ĐVT)			Muc tinh (%)	Thanh tien (dong)			Tong cong (dong)	Ghi chu
				Đất	Tai san tren đất	Hoi tro khac		Đất	Tai san tren đất	Hoi tro khac		
-	Bphi thuong Đất nuoi trong thuy san (NTS), vi tri 1, xa Quang Ninh tai thừa đất số 209-1, TBĐ 139	m ²	104,40	46.000			100%	4.802.000				Bien ban tham dinh gia đất cụ thể ngày 20/8/2026
b)	Bphi thuong và hoi tro về tài san tren đất:											
*	Tai san tại thừa 209-1, TBĐ 139, Đất NTS								46.955.000			
-	Nền san bê tông san ngang, trên lang xi măng, dày ≤ 10cm; KT: 34,7m*3,5m	m ²	121,45		211.000		10%		2.563.000			Mục 29, PLI Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026
-	Ống cống BTCT fi 800m, ống dài 1,0m, có 34 ống	ống	34,00		1.203.000		100%		40.902.000			Mục 32, PLI Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
-	Cau cây từ năm thứ 9 đến năm thứ 13	Cây	1,00		470.000		100%		470.000			Mục 14.1.14, PLII Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
-	Xoài cây từ năm thứ 9 đến năm thứ 13	Cây	1,00		1.008.500		100%		1.009.000			Mục 13.1.13 PLII Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
-	Cau vua đường kính 27cm	Cây	1,00		494.300		100%		494.000			Mục 8 PLII Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
-	Mung đường kính từ 12cm-30cm	Cây	1,00		1.090.000		100%		1.090.000			Mục 6.1.6 PLII Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
-	Dừa trồng 5 năm	Cây	1,00		427.100		100%		427.000			Mục 4.1.4PLII Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2025
c)	Các khoản hoi tro:									29.829.000		
-	Hoi tro ổn định đời sống do thu hoi 6,2 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Mức hoi tro bằng 30kg gạo/tháng*3 tháng*3 khẩu*đơn giá gạo.	kg	270,00			18.500	100%			4.995.000		Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP và Điều 4, Khoản 1, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/DVT)			Mức tính (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ khác		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại tại thửa đất số 209-1, TBĐ 139, Đất NTS, VT1	m ²	104,40			230.000	100%			24.012.000		Khoản 1, Điều 13 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất tính theo diện tích thực tế bị thu hồi tại thửa đất số 209-1, TBĐ 139, Đất NTS, VT1	m ²	104,40			46.000	10%			480.000		Điểm a, Khoản 4, Điều 11 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ chính lý Giấy chứng nhận QSD đất. (Kính phí thực hiện theo đơn giá dịch vụ công quy định tại thời điểm phê duyệt phương án BTHT, trong đó: + Phí cấp Giấy CNQSD đất 150.000 đồng. + Lệ phí chứng nhận biến động vào Giấy CN đã cấp 30.000 đồng. + Đăng ký biến động quyền SD đất do thu hồi Giấy CNQSD đất 162.000 đồng).	giấy	1,00			342.000	100%			342.000		Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; Công văn số 1731/PPĐKKĐ-KHTC ngày 30/6/2026.

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình, cá

169.819.000 đồng.

* nhân có đất trong khu vực thu hồi:

(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm mười chín nghìn đồng chẵn./.)

Trong đó:

- Bồi thường về đất:
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất:
- Các khoản hỗ trợ:

14.449.000 đồng.
51.656.000 đồng.
103.714.000 đồng.

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Phòng Trung Kiên

